

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 18/09/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		AMD-1GTH4+1GTH5	7:25	19+1+2	0+0+0		12+8+2	0+0+0	
2		TD1+P7	7:25	21+1+0	0+0+0		19+0+3	0+0+0	
3		TTC3+TTC2+TD5	7:25	0+0+18	0+0+0		0+0+22	0+0+0	CHUYỂN 4 PAX TỪ TTC3-TTC2
4		MRRM	7:25	10	0		8	0	
5		CLO+PVD2+BK3	9:25	13+8+1	0+0+0		13+8+1	0+0+0	
6		PVD2+TD3	9:25	10+12	0+0		0+22	0+0	
7		AMD+HST+PPD	11:25	13+4+5	0+0+0		6+4+12	0+0+0	
8		TD3+P2+BK14+PVD2	11:25	12+0+0+10	0+0+0+0		1+0+0+20	0+0+0+0	CHUYỂN 11 PAX TỪ P2- BK14

TTBDSX



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/09/2018	TO: AMD - TGTH4 - TGTH5	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: HUNG - LBinh - DTung	ETA: 09:10
NAU-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ARAVIND GANGADHARAN	AMD	71-72	2	17	75	70	KH-THAC	Malaysian
2	SHANKARAN KANASAN	AMD	73	1	12	15	79	KH-THAC	Malaysian
3	PHAM VAN AN	AMD	67	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM VU THANG	AMD	70	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
5	K LOC	AMD	76	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN SANH	AMD	69	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG VAN THE	AMD	83	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
8	THAI NGUYEN HAI VI	AMD	63-64	2	7		84	KH-THAC	Vietnamese
9	DUONG VAN ĐÔNG	AMD	66	1	8		58	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN DOAN DUAN	AMD	59	1	2		56	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN ANH DUNG	AMD	65	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
12	THAI BA HUNG	AMD	60	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN XUAN PHUONG	AMD	58	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
14	HA VAN THUY	AMD	61	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
15	TRUONG THE KHAI	AMD	62	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN ANH DUY	AMD	77	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN LE HONG VU	AMD	74	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN QUOC KHANH	AMD	68	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN DUY PHUONG	AMD	75	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN THANH NGOAN	TGTH4	70-71	2	15		89	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN TRUNG HIEU	TGTH5	21-22	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN CONG THANH	TGTH5	23-24	2	15		66	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	19	21	131	1.314	90	12		
2	TGTH4	1	2	15	89	0	8		
3	TGTH5	2	4	30	136	0	2		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>27</b>	<b>176</b>	<b>1.539</b>	<b>90</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>176</b>	<b>1.539</b>	<b>90</b>			

GRAND TOAL: 1.805 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/09/2018	TO: TD1 - P7	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Văn - QViệt - Toan	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NIKOLAYEV G.M	TD1					75	KHOAN	Russian
2	PHAM XUAN HIEU	TD1	40	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN THANH THUY	TD1					62	KHOAN	Vietnamese
4	BUI NGOC QUANG	TD1	44	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN VAN DUNG	TD1	32	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
6	LE VAN NGUYEN	TD1	24	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN MINH SON	TD1	25	1	5	40	70	KHOAN	Vietnamese
8	VU MANH HAI	TD1	36	1	5	48	80	KHOAN	Vietnamese
9	BUI VAN NINH	TD1	28	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN BAO	TD1	29	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
11	LE BA PHUONG	TD1	31	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
12	VU DINH PHONG	TD1	26	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN HUYNH LAM	TD1					67	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN HAI LAM	TD1	27	1	10		64	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN HOANG VIET	TD1	33	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN TUAN ANH	TD1	37	1	5		75	XAYLAP	Vietnamese
17	VU TUAN ANH	TD1	47-48	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
18	NGO THANH NAM	TD1	39	1	5		70	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN VAN LOC	TD1	34-35	2	15		64	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN VAN THUY	TD1	38	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
21	ĐẶNG THĂNG LONG	TD1	30	1	10		74	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	21	20	139	1.442	88	19		
2	P7	0	0	0	0	0	3		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>20</b>	<b>139</b>	<b>1.442</b>	<b>88</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>139</b>	<b>1.442</b>	<b>88</b>			

GRAND TOAL: 1.669 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/09/2018	TO: TTC3 - TTC2 - TD5	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Cương - VTHU - HTNam	ETA: 09:20
<i>Vang - 1</i>			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUU VAN PHONG	TD5	83	1	7		68	KHOAN	Vietnamese
2	HOANG XUAN THI	TD5	89	1	7		78	KHOAN	Vietnamese
3	PHAM VAN HUONG	TD5	90	1	8		63	KHOAN	Vietnamese
4	ĐÀO QUANG MINH	TD5	96	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
5	TRINH HOANG KHANH	TD5	81	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
6	TRAN NGOC LINH	TD5	93	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN TAT THANH	TD5	94	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
8	HỒ VĂN TIẾN	TD5	91	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN SY LE	TD5	84	1	5	40	61	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN THANH CONG	TD5	86	1	5		87	KHOAN	Vietnamese
11	BUI TAN BINH	TD5	82	1	5		79	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN VAN DIEU	TD5	88	1	3		64	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN VIET DUNG	TD5	87	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
14	ĐỖ VINH CUONG	TD5	97	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN THIEN TUAN	TD5	85	1	10		67	KHOAN	Vietnamese
16	CAO ĐỨC HAI	TD5	92	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN HOANG LONG	TD5	95	1	12		62	DVL	Vietnamese
18	NGUYEN DOAN BINH	TD5	98-99	2	12		65	YTE	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC3	0	0	0	0	20	0	4	CHUYEN 4 PAX TU TTC3 SANG TTC2
2	TTC2	0	0	0	0	20	0		
3	TD5	18	19	112	1.283	40	22		
<b>TOTAL</b>		<b>18</b>	<b>19</b>	<b>112</b>	<b>1.283</b>	<b>80</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>112</b>	<b>1.283</b>	<b>80</b>			

GRAND TOAL: 1.475 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

ARRIVAL

PAX

0

40

22



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/09/2018	TO: MRM	AIRCRAFT: 622	ETD: 07:25
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Quân - KIÊN	ETA: 10:40
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN DUY PHÚC	MRM	05-06	2	18		63	KHOAN	Vietnamese
2	PHẠM VĂN ĐẠM	MRM	04	1	10	25	70	KHOAN	Vietnamese
3	TÔNG TIÊN QUANG	MRM	01	1	15		78	KHOAN	Vietnamese
4	PHẠM QUANG TRUNG	MRM					82	KHOAN	Vietnamese
5	VŨ MẠNH NAM	MRM	02	1	15		75	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN QUỐC HƯƠNG	MRM	03	1	12		104	KHOAN	Vietnamese
7	ĐO VĂN TRÚC	MRM	09-10	2	14		62	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ VĂN BIÊN	MRM	07-08	2	14		62	KHOAN	Vietnamese
9	VŨ MINH LUÂN	MRM	11-12	2	12		70	KHOAN	Vietnamese
10	BIÊN VĂN TRANG	MRM	13-14	2	18		67	VPI	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	10	14	128	733	25	8		
	TOTAL	10	14	128	733	25	8		
	WEIGHT KG			128	733	25			

GRAND TOAL: 886 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Fuel: 2300 kg C.Thanh



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/09/2018	TO: PVD2 - CLO - RP3	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:30
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: HUNG - LBinh - DTùng	ETA: 11:10
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ANG THE YANG	PVD2	06	1	10		87	KHOAN	Singapore
2	LAI HONG	PVD2	04	1	10		80	KHOAN	Singapore
3	NGUYEN BINH MINH	PVD2	02	1	6	35	70	KHOAN	Vietnamese
4	TRINH BA BINH	PVD2	09	1	5		84	KHOAN	Vietnamese
5	NGO DINH SON	PVD2	08	1	6		56	KHOAN	Vietnamese
6	LE THANH TUNG	PVD2	03	1	10		87	KHOAN	Vietnamese
7	TRAN TRONG THUAN	PVD2	10	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
8	MAI DONG DUY	PVD2	11	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
9	SADOVNICHENKO	PVD2	01	1	10		93	KHOAN	Russian
10	BUI ĐỨC LUẬN	CLO	48	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
11	HOANG VAN TRUNG	CLO	40	1	4		76	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN DUY NAM	CLO	37	1	4		74	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN VAN VINH	CLO	46	1	3	45	75	KHOAN	Vietnamese
14	ĐẬU VAN MINH	CLO	47	1	3	40	74	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM VAN ĐUỐC	CLO	43-44	2	10		72	KHOAN	Vietnamese
16	ĐẶNG VĂN ĐO	CLO	38	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN QUANG HUY	CLO	41	1	6		78	KHOAN	Vietnamese
18	ĐỖ THANH LIEM	CLO	45	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
19	CAO VAN VIET	CLO	42	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
20	LE VAN TUAN	CLO	36	1	10		73	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN VAN GIN	CLO	39	1	10		66	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYEN VAN TUAN	CLO					81	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	9	9	67	693	35	8	45	
2	CLO	13	13	71	949	85	13	50	
3	RP3	0	0	0	0	0	1	50	
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>22</b>	<b>138</b>	<b>1.642</b>	<b>120</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>138</b>	<b>1.642</b>	<b>120</b>			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/09/2018	TO: PVD2 - TD3	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:35
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: Vận - QViệt - Toan	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HUU DAT	PVD2	10	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN VAN DUNG	PVD2	06	1	4		56	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN DUC CHI	PVD2	05	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
4	PHAN VAN TUOC	PVD2	07	1	8		56	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN VU HAI	PVD2	09	1	7		62	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN XUAN TUAN	PVD2	08	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
7	VU VAN THUONG	PVD2	01	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
8	PHAM VAN TAN	PVD2	04	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN DONG HAI	PVD2	02	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN DINH TIEN	PVD2	03	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
11	LE TRỌNG TUYEN	TD3	17	1	3		74	KHOAN	Vietnamese
12	FILIPPOV NIKOLAY	TD3					82	KHOAN	Russian
13	NGUYEN VIỆT HUNG	TD3	25	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN ĐỨC THÀNH	TD3	24	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
15	ĐẶNG XUÂN LƯU	TD3					65	KHOAN	Vietnamese
16	BUI VAN NGHIA	TD3	18	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ SỸ HUNG	TD3	22	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN SON HAI	TD3	21	1	3		84	KHOAN	Vietnamese
19	HOANG VAN KHUONG	TD3					80	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN VIỆT THẮNG	TD3	19	1	4		74	KHOAN	Vietnamese
21	HOANG MINH SON	TD3	20	1	13	80	74	ANTOAN	Vietnamese
22	NGUYEN HUU TUYEN	TD3	23	1	7		70	DVL	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	10	10	55	624	0	0		
2	TD3	12	9	48	897	80	22		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>19</b>	<b>103</b>	<b>1.521</b>	<b>80</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>103</b>	<b>1.521</b>	<b>80</b>			

GRAND TOAL: 1.704 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/09/2018	TO: AMD - HST - PPD	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:30
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: LBinh - DUONG - DTung	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN KHUE	AMD	87-88	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
2	DUONG VAN TUYEN	AMD	94	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	CHU VAN HAO	AMD	86	1	5	40	70	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN MINH	AMD	91	1	3	20	70	KH-THAC	Vietnamese
5	VU VIET BINH	AMD	89-90	2	9		64	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN DUY HUNG	AMD	81-82	2	11		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN HONG	AMD	79-80	2	16		65	KH-THAC	Vietnamese
8	DAO QUY HOI	AMD	98-99	2	13		72	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN THANH QUANG	AMD	84	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN THANH AN	AMD	85	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN MINH THANH	AMD	97	1	6		54	KH-THAC	Vietnamese
12	CAO VAN DUNG	AMD	92-93	2	12		60	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN TAM	AMD	95-96	2	17		45	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN NGOC THU	HST	77	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	TRUONG DUC HUNG	HST	75	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN DINH SONG	HST	74	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
17	LE CHI CUONG	HST	71-73	3	17		65	KH-THAC	Vietnamese
18	TA QUOC CHINH	PPD	07-08	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN TRAN VINH	PPD	05-06	2	15		58	XAYLAP	Vietnamese
20	DUONG MINH HOANG	PPD	02	1	12	15	70	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN DINH PHONG	PPD	01	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
22	TRAN DUC CHIN	PPD	03-04	2	17		67	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	13	20	128	854	60	6		
2	HST	4	6	36	265	0	4		
3	PPD	5	8	76	335	15	12		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>34</b>	<b>240</b>	<b>1.454</b>	<b>75</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>240</b>	<b>1.454</b>	<b>75</b>			

GRAND TOAL: 1.769 KGS

VSP REP.  
*[Signature]*

VNH REP.  
*[Signature: Hoa]*

CAPTAIN  
*[Signature]*





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/09/2018	TO: TD3 - P2 - BK14 - PVD2	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:35
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: Văn - MTHAO - Toan	ETA: 13:15
HONG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG TRUNG KIÊN	TD3	18	1	8		60	DVL	Vietnamese
2	LUƠNG NGỌC HOANG	TD3	14	1	11		75	DVL	Vietnamese
3	PHẠM VĂN CHINH	TD3	16-17	2	15		72	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN VĂN CUÔNG	TD3	11	1	15	18	67	XAYLAP	Vietnamese
5	HA ANH CÔNG	TD3	08-10	3	15		55	XAYLAP	Vietnamese
6	LUƠNG VĂN THỤC	TD3	07	1	12		76	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN MẠNH HÀ	TD3	02-03	2	15		57	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN TRỌNG NHẬT	TD3	06	1	12		55	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ ĐÌNH MINH	TD3	04-05	2	15		50	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ VĂN BAY	TD3	12-13	2	15		53	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ ĐÌNH HOÀN	TD3	15	1	10		67	XAYLAP	Vietnamese
12	VI THAI	TD3	01	1	15		59	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN VĂN CHIÊU	P2	28-29	2	11	8	61	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ HỒNG THỊNH	PVD2	34	1	11		61	KHOAN	Vietnamese
15	TÔNG VĂN DẠT	PVD2	35	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
16	DINH BAO CUONG	PVD2	29-30	2	15		60	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC HOA	PVD2	31-32	2	15		62	KHOAN	Vietnamese
18	LÊ ANH DUNG	PVD2	33	1	10	10	74	KHOAN	Vietnamese
19	VŨ THẾ HÙNG	PVD2	38	1	12		60	KHOAN	Vietnamese
20	NGO XUAN DUONG	PVD2	36-37	2	15		74	KHOAN	Vietnamese
21	DƯƠNG KHÁNH HOANG	PVD2	41-42	2	15	14	84	KHOAN	Vietnamese
22	LÊ HAI	PVD2	39-40	2	15		81	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	12	18	158	746	18	1		
2	P2	1	2	11	61	8	1	10	CHUYỂN 10 PAX TỪ P2 SANG BK14
3	BK14	0	0	0	0	0	0		
4	PVD2	9	14	113	619	24	20		
TOTAL		22	34	282	1.426	50	22		
WEIGHT KG				282	1.426	50			

GRAND TOAL: 1.758 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỞNG BAN DDTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 19/09/2018**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+CTK3+BK14	7:25	17+4+1	0+0+0		14+6+2	0+0+0	
2		MRM	7:25	17	0		16	0	
3		TD2+P9+P2	9:25	7+10+1	0+0+0		4+0+18	0+0+0	CHUYEN 3 PAX TD2-P2
4		P5+RP2+GTCl	11:25	18+4+0	0+0+0		11+0+10	0+0+0	

TTBDSX



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/09/2018	TO: TD2 - CTK3 - BK14	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Khang - MTuấn - DTùng	ETA: 09:20
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HAI	TD2	04	1	8	100	72	KHOAN	Vietnamese
2	HOANG MANH HUNG	TD2	16	1	5		85	GETRACO	Vietnamese
3	LE PHAT THINH	TD2	08	1	7		95	GETRACO	Vietnamese
4	GROMOV S.A	TD2	07	1	10		86	KHOAN	Russian
5	TRAN TRONG ANH	TD2	11	1	6		74	KHOAN	Vietnamese
6	TRUONG THANH TUNG	TD2	17	1	2		75	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN ANH TUAN	TD2					70	KHOAN	Vietnamese
8	BUI TRUNG THO	TD2					71	KHOAN	Vietnamese
9	LE ANH QUAN	TD2	18	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN THANH BINH	TD2	10	1	2	20	78	KHOAN	Vietnamese
11	PHAM DINH THUYET	TD2	09	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
12	PHAM VAN THANG	TD2	14-15	2	11		78	KHOAN	Vietnamese
13	VU MINH HAI	TD2	06	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
14	LE TRUONG LAM	TD2	05	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
15	NGO VAN HUY	TD2	13	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
16	LE DUC THO	TD2	19	1	3		76	KHOAN	Vietnamese
17	DOAN VAN KHUU	TD2	20	1	10		61	KHOAN	Vietnamese
18	LAI VAN SANG	CTK3	//				65	SAN BAY	Vietnamese
19	HO ANH QUOC	CTK3	90	1	2		72	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN HOANG HA	CTK3	88	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAM NGOC CHI	CTK3	89	1	5		60	PSV	Vietnamese
22	TRAN VAN NANG	BK14	33	1	5	40	64	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	17	16	87	1.296	120	14		
2	CTK3	4	3	12	264	0	6		
3	BK14	1	1	5	64	40	2		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>20</b>	<b>104</b>	<b>1.624</b>	<b>160</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>104</b>	<b>1.624</b>	<b>160</b>			

GRAND TOAL: 1.888 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/09/2018	TO: MRM	AIRCRAFT: 620	ETD: 07:25
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: KIẾN - Khánh	ETA: 10:40
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KROKHALEV MIKHAIL	MRM	55	1	3		90	KHOAN	Russian
2	CHEBYKIN KONSTANTIN	MRM	48	1	8		85	KHOAN	Russian
3	ORUDZHEV SHUKURULLA	MRM	49	1	9		84	KHOAN	Russian
4	RATUSHNYI VLADIMIR	MRM	59	1	6		80	KHOAN	Russian
5	KIMAKOVSKII MAKSIM	MRM	56	1	4		75	KHOAN	Russian
6	KUMBA ZHAN ROBER	MRM	57	1	5		82	KHOAN	Russian
7	KHOKHLOV VLADISLAV	MRM	63-64	2	9		89	KHOAN	Russian
8	RATUSHNYI EVGENII	MRM	58	1	3		124	KHOAN	Russian
9	DEVADZE OLEG	MRM	60	1	7		92	KHOAN	Russian
10	KRUPNIKOV ALEXANDER	MRM	54	1	8		103	KHOAN	Russian
11	LELNIKOV ANDREI	MRM	61-62	2	16		82	KHOAN	Russian
12	NGUYEN VAN GIANG	MRM	45	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN VAN SON	MRM	50-51	2	12		60	KHOAN	Vietnamese
14	ALEXANDER POPOV	MRM	52-53	2	12		85	KHOAN	Russian
15	VU THANH QUOC	MRM	46	1	12		66	KHOAN	Vietnamese
16	VO THANH DOAN	MRM	47	1	9		74	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	16	20	130	1.336	0	16		
	<b>TOTAL</b>	<b>16</b>	<b>20</b>	<b>130</b>	<b>1.336</b>	<b>0</b>	<b>16</b>		
	<b>WEIGHT KG</b>			<b>130</b>	<b>1.336</b>	<b>0</b>			

GRAND TOAL: 1.466 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

ARRIVAL  
BY CAPTAIN  
16  
16



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/09/2018	TO: TD2 - P9 - P2	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Khang - MTuán - DTùng	ETA: 11:30
NAU-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TRONG HUE	TD2	30	1	12		60	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN HUU LUAN	TD2	31	1	13		70	KHOAN	Vietnamese
3	SUSTAVOV	TD2	32	1	6		105	D-HANH	Russian
4	TRAN NGOC KHANH	TD2	27	1	3		58	GETRACO	Vietnamese
5	NGUYEN DAI DUONG	TD2	28	1	4		77	GETRACO	Vietnamese
6	ĐINH EM	TD2	29	1	5		68	GETRACO	Vietnamese
7	TRUONG TAN LOI	P9	26-27	2	17		87	XAYLAP	Vietnamese
8	TRAN QUOC THINH	P9	36-37	2	15		55	XAYLAP	Vietnamese
9	ĐO MẠNH HUNG	P9	28-29	2	14		60	XAYLAP	Vietnamese
10	TRAN ANH TUAN	P9	32-33	2	17		58	XAYLAP	Vietnamese
11	LE VAN QUANG	P9	34-35	2	14		71	XAYLAP	Vietnamese
12	MAI DUY TAN	P9	30-31	2	12		61	XAYLAP	Vietnamese
13	VU MINH DUC	P9	38-39	2	17	157	90	KH-THAC	Vietnamese
14	DO VAN TRUONG	P9	40	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
15	LE VAN TIEP	P9	42	1	12		78	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG TUAN HAI	P9	41	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG VAN TINH	P2	27	1	4		72	LILAMA	Vietnamese
18	NGUYEN TRONG DUONG	P2	31	1	8		87	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	6	6	43	438	0	4	2	CHUYEN 3 PAX TU TD2 SANG P2
2	P9	10	17	134	702	157	0		
3	P2	2	2	12	159	0	18		
<b>TOTAL</b>		<b>18</b>	<b>25</b>	<b>189</b>	<b>1.299</b>	<b>157</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>189</b>	<b>1.299</b>	<b>157</b>			

GRAND TOAL: 1.645 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/09/2018	TO: P5 - RP2 - GTC1	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:50
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Khang - MTHAO - DTùng	ETA: 13:40
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM VĂN CHIẾN	P5	42	1	6	35	78	KHOAN	Vietnamese
2	LE HOANG THI	P5	41	1	16		65	KHOAN	Vietnamese
3	SVALOV	P5	21,38	2	15		80	KHOAN	Russian
4	PHẠM VĂN TRI	P5	19	1	12		74	KHOAN	Vietnamese
5	BUI NGOC LAM	P5	33-34	2	15		68	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN VAN CHAN	P5	30	1	6		58	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN HUYNH	P5	39	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN HUY HUNG	P5	35	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN SI LONG	P5	28	1	8		68	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM XUAN HAI	P5	29	1	6		71	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN TIEN HOA	P5	20	1	8		74	KHOAN	Vietnamese
12	LE XUAN TUYEN	P5	18	1	5		59	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN TRONG DUNG	P5	36	1	7		78	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VAN XUAN	P5	27	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
15	DO VAN PHAN	P5	37	1	8		78	KHOAN	Vietnamese
16	VU CAO BANG	P5	32	1	7		84	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN VAN NGAN	P5	40	1	12		64	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN THANH NHAN	P5	31	1	12		65	PSV	Vietnamese
19	MERZLIKIN	RP2	59-60	2	15		81	NIP	Russian
20	NGUYEN ANH TUAN	RP2	800	1	8	82	73	TECHMAS	Vietnamese
21	NGUYEN THANH TRUNG	RP2	62	1	7		65	TECHMAS	Vietnamese
22	NGUYEN TRUNG HAU	RP2	61	1	9		69	TECHMAS	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	18	20	157	1.260	35	11		
2	RP2	4	5	39	288	82	0		
3	GTC1	0	0	0	0	45	10		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>25</b>	<b>196</b>	<b>1.548</b>	<b>162</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>196</b>	<b>1.548</b>	<b>162</b>			

GRAND TOAL: 1.906 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN